

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT Ở CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS. VŨ THỊ THU THỦY
Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Thực trạng giáo dục pháp luật ở các trường phổ thông dân tộc nội trú

Thực trạng giáo dục pháp luật (GDPL) ở các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) được thể hiện qua việc đánh giá chương trình, sách giáo khoa (SGK) và hiệu quả dạy học môn Giáo dục công dân (GDGD) đối với công tác phổ biến GDPL tại các trường PTDTNT cấp THPT như sau:

1.1. Chương trình

- Về mục tiêu môn học: Môn học có vai trò quan trọng trong việc giáo dục cho học sinh (HS) ý thức và hành vi phải có của người công dân, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo HS dân tộc thiểu số thành những người lao động mới đáp ứng đòi hỏi của thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

- Chuẩn kiến thức, kĩ năng và yêu cầu về thái độ đối với HS dân tộc thiểu số quy định trong chương trình phù hợp với mục tiêu môn học;

- Chương trình môn GDGD bảo đảm sự cân đối giữa yêu cầu trang bị kiến thức với việc rèn luyện kĩ năng và giáo dục thái độ cho HS dân tộc thiểu số; hình thành và phát triển ở các em tình cảm, niềm tin, lí tưởng, hành vi, và thói quen phù hợp với trách nhiệm, đạo đức công dân; định hướng hành vi cho HS.

Nhưng bên cạnh đó còn nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sự nhận thức trực tiếp của HS dân tộc thiểu số:

- Về cấu trúc: Có những bài quá khó đối với các em. Ví dụ, phần *Công dân với việc hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học* được bố trí ngay từ đầu cấp THPT nhằm trang bị cho HS thế giới quan, phương pháp luận biện chứng để nhận thức các vấn đề chính trị - xã hội;

- Về nội dung: Chương trình chưa tích hợp tốt với yêu cầu *giáo dục kĩ năng sống*, có một số phần còn khó, yêu cầu kiến thức cao so với trình độ nhận thức của HS;

1.2. Sách giáo khoa

Nhìn chung SGK đã bám sát nội dung chương trình, về cơ bản đã thể hiện được tính cơ bản, hiện đại, sát thực tiễn Việt Nam. Tuy nhiên, có các bài khó so với trình độ nhận thức của HS dân tộc thiểu số, một

số bài viết dài, một số bài về đạo đức trình bày quá cụ thể về kế hoạch dạy học trên lớp làm cho GV khó đổi mới phương pháp dạy học, dẫn đến tình trạng GV tập trung vào việc chuyển tải kiến thức, ít quan tâm đến việc rèn kĩ năng và giáo dục thái độ theo yêu cầu của chương trình. Ngoài ra, một số bài tuy không khó nhưng quá dài, khó thực hiện trong thời lượng dạy học quy định. Một số thông tin, số liệu của SGK đã lạc hậu, cần được cập nhật. Sách chỉ in đen trắng, tác dụng của kênh hình còn hạn chế, đặc biệt là những hình phải thông qua màu sắc để biểu thị nội dung như biển báo giao thông, hình ảnh về bảo vệ môi trường...

1.3. Tài liệu tham khảo

Tài liệu tham khảo còn ít về chủng loại, nghèo về nội dung, chưa đáp ứng được nhu cầu của GV. Tài liệu tham khảo đặc biệt cần thiết đối với GV GDGD, vì đó là môn học đề cập tới nhiều lĩnh vực kiến thức, do đó GV GDGD cần được trang bị vốn hiểu biết rất rộng và luôn luôn phải bổ sung, cập nhật.

1.4. Thiết bị dạy học

Thiết bị dạy học môn GDGD còn rất nghèo nàn, chủ yếu là tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu, một số trường sử dụng các thiết bị hỗ trợ dạy học như máy chiếu Overhead, máy chiếu Projector để ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Việc tự làm thiết bị dạy học và khai thác mọi nguồn tư liệu cập nhật để xây dựng hồ sơ chuyên môn chưa được quan tâm đúng mức. Việc áp dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn GDGD đã bước đầu được thực hiện nhưng còn lúng túng, hiệu quả chưa cao.

1.5. Đội ngũ GV

Hiện nay còn nhiều GV chưa đạt chuẩn đào tạo và phải sử dụng GV dạy chéo môn (chiếm khoảng 20% tổng số giáo viên dạy GDGD). Có những tỉnh hầu như không còn GV chưa đạt chuẩn và dạy chéo môn như: Sóc Trăng, Thừa Thiên - Huế, Bà Rịa - Vũng Tàu, Sơn La..., bên cạnh đó, lại có những tỉnh số GV chưa đạt chuẩn và tỉ lệ GV dạy chéo môn lên tới trên 50% như: Hoà Bình, Bắc Giang, Vĩnh Long, Hà Giang. TP. Hà Nội vẫn còn 28,6% GV GDGD dạy chéo môn.

Công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng của GV GDGD



hiện nay được thực hiện chủ yếu thông qua các lớp bồi dưỡng GV thay SGK hàng năm và tổ chức cho GV bồi dưỡng thường xuyên theo chu kỳ. Tuy nhiên, việc bồi dưỡng, tự bồi dưỡng của GV GD CD chưa thường xuyên. Các hình thức sinh hoạt chuyên môn cấp tổ, cấp trường và liên trường còn ít được tổ chức, nội dung chưa thiết thực, duy trì không đều.

1.6. Đổi mới phương pháp dạy học

GV GD CD đã có nhiều cố gắng trong việc sử dụng các câu hỏi phát vấn nhằm phát huy trí lực của HS. Một số kĩ thuật dạy học mới như: *tổ chức thảo luận nhóm, bình luận các sự kiện, nêu và giải quyết vấn đề đặt ra trong thực tiễn cuộc sống gắn với chủ đề bài học, tổ chức cho HS sắm vai, dạy học ở thực địa, viện bảo tàng, công trình văn hóa...* đã bước đầu phát huy hiệu quả, nâng cao hứng thú và thúc đẩy tính tích cực, chủ động của HS.

Nhưng bên cạnh đó còn có rất nhiều hạn chế cần khắc phục:

- Hiện tượng dạy học nặng về kiến thức, nhẹ về rèn luyện kĩ năng, giáo dục thái độ và hành vi cho HS còn khá phổ biến ở các giờ dạy GD CD;

- Việc tổ chức dạy học trên lớp chưa khoa học, tình trạng đọc chép, ghi nhớ máy móc của chậm được khắc phục;

- Việc áp dụng một số phương pháp dạy học mới của GV tuy đã có cố gắng nhưng hiệu quả chưa cao, phần nhiều còn áp dụng máy móc, hình thức tổ chức cho HS làm việc theo nhóm mang tính hình thức và bị lạm dụng. Các hình thức học tập đặc trưng của bộ môn như tọa đàm, lập diễn đàn cho HS thuyết trình, đề xuất phương án giải quyết các vấn đề thực tế, viết thu hoạch, biểu đạt chính kiến thông qua bình luận một sự kiện... ít được tổ chức nên chưa tạo điều kiện cho HS dân tộc thiểu số thực sự phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện kĩ năng cần thiết và định hướng hành vi trong học tập.

1.7. Hoạt động kiểm tra, đánh giá

Hình thức kiểm tra, đánh giá còn cứng nhắc, đơn điệu, chủ yếu đánh giá mức độ ghi nhớ tri thức, ít kiểm tra, đánh giá kĩ năng thông qua hoạt động của HS trong quá trình học tập, đánh giá hiệu quả giáo dục thái độ, hành vi thông qua bình luận các sự kiện, hiện tượng trong đời sống thực tế. Việc kết hợp hình thức kiểm tra tự luận và trắc nghiệm chưa hợp lí, có nơi quá thiên về tự luận, có nơi lại quá thiên về trắc nghiệm.

1.8. Công tác quản lí, chỉ đạo chuyên môn

Sau khi chương trình giáo dục phổ thông mới được ban hành, chất lượng CT-SGK môn GD CD đã được hiện đại hóa, cập nhật nội dung đáp ứng tốt hơn mục tiêu môn học.

Đội ngũ GV môn GD CD từng bước được đào tạo bổ sung, giảm dần tỉ lệ GV trình độ dưới chuẩn và tình trạng bố trí dạy chéo môn. Công tác bồi dưỡng GV được tổ chức chặt chẽ hơn, nhất là về nội dung chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá; danh mục thiết bị dạy học tối thiểu đã được Bộ GD-ĐT quy định. Việc tích hợp môn GD CD với các môn học, hoạt động giáo dục khác và thực hiện nội dung giáo dục địa phương được chỉ đạo cụ thể hơn.

Bên cạnh đó còn không ít những hạn chế: Không ít cán bộ quản lí, GV chưa nhận thức đầy đủ vai trò, vị trí của môn GD CD, chưa coi trọng việc bố trí, bồi dưỡng GV, chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá, đầu tư thiết bị dạy học. Đội ngũ GV và công tác bồi dưỡng GV chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng dạy học. Việc chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn và cung cấp tài liệu hỗ trợ dạy học để cập nhật nội dung dạy học chưa kịp thời.

2. Thực trạng quản lí GD PL ở các trường PT DT NT

Công tác quản lí GD PL ở các trường THPT nói chung và các trường PT DT NT nói riêng được đánh giá qua hoạt động của các sở GD-ĐT như sau:

- Đã có biện pháp quản lí việc xây dựng kế hoạch quản lí hoạt động GD PL của hiệu trưởng;

- Quản lí việc xây dựng cơ sở vật chất trường học nói chung, thiết bị dạy học nói riêng phục vụ hoạt động GD PL trong trường PT DT NT;

- Quản lí việc xây dựng, sử dụng và phát triển đội ngũ GV, CBQL, báo cáo viên, tuyên truyền viên làm công tác GD PL trong trường PT DT NT;

- Tăng cường công tác bồi dưỡng đội ngũ GV, CBQL, báo cáo viên, tuyên truyền viên làm công tác GD PL trong trường PT DT NT;

- Chỉ đạo thực hiện nội dung môn GD CD và các hoạt động tuyên truyền, phổ biến GD PL cho PT DT NT;

- Chỉ đạo đổi mới các phương pháp dạy học môn GD CD và đổi mới các hình thức tuyên truyền, phổ biến GD PL trong trường PT DT NT;

- Chỉ đạo việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đối với môn GD CD và đánh giá hạnh kiểm, học lực của HS PT DT NT;

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động quản lí của hiệu trưởng đối với hoạt động quản lí GD PL trong trường PT DT NT;

- Quản lí công tác thi đua khen thưởng đối với hoạt động GD PL trong trường PT DT NT.

3. Kết luận

Thực trạng hoạt động GD PL trong các trường

PTDTNT hiện nay chỉ ở mức độ trung bình, do còn gặp nhiều khó khăn về sự nhận thức tầm quan trọng của công tác này đối với cán bộ các cấp, về cơ sở vật chất trường học, về đội ngũ CBQL, GV và các điều kiện hỗ trợ HS tham gia hoạt động phổ biến GDPL trong nhà trường...

Thực trạng quản lý hoạt động phổ biến GDPL trong nhà trường còn có những nội dung quản lý chưa hiệu quả, chưa phát huy được các nguồn lực hiện có trong việc đầu tư phát triển các trường PTDTNT; việc thực hiện biện pháp quản lý hoạt động quản lý GDPL trong trường PTDTNT chỉ đạt mức trung bình.

Kết quả nghiên cứu ở 12 trường PTDTNT cấp THPT tại các tỉnh: Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Điện Biên, Lai Châu, Kom Tum, Hà Giang, Kiên Giang, An Giang, Trà Vinh, Nghệ An... cho thấy các trường PTDTNT ở các tỉnh đã có nhiều nỗ lực trong việc đề ra các biện pháp quản lý GDPL. Tuy nhiên các biện pháp quản lý hoạt động phổ biến GDPL chưa đạt được kết quả mong muốn. GDPL và quản lý GDPL trong các trường PTDTNT vẫn còn nhiều bất cập. Do đó, việc chọn lựa, đề xuất và áp dụng các giải pháp tăng cường quản lý

hoạt động GDPL trong trường PTDTNT là hết sức quan trọng và cần thiết, nhằm góp phần đào tạo nguồn nhân lực cán bộ dân tộc thiểu số cho các địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Cẩm nang công tác phổ biến giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
2. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Phê duyệt đề án "Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường"*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật*.
4. Trần Ngọc Đường, Dương Thanh Mai (1995), *Bàn về giáo dục pháp luật*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

SUMMARY

The author has presented the actual status of law education and management of the same in boarding ethnic minority schools at the present stage through the assessment of curriculum, textbooks and effectiveness of teaching the Civic Education Subject towards widely disseminating law education in school.

TIẾP CẬN TÍCH HỢP CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY... (Tiếp theo trang 20)

định, thuộc chương trình, đều cần phải xây dựng theo hướng tích hợp, nhằm vào việc hình thành và phát triển những năng lực chung, cốt lõi ở người học. Tuy nhiên, trong thời gian tới nên tích hợp môn Toán như thế nào còn là câu hỏi mở đến nay vẫn chưa có cách giải quyết thoả đáng. Vì thế, nghiên cứu để có thể tích hợp chương trình giảng dạy môn Toán, nhằm hình thành các năng lực cho người học là vấn đề cần thiết và có ý nghĩa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Thị Thặng, *Vận dụng quan điểm tích hợp trong việc phát triển chương trình Giáo dục phổ thông sau năm 2015*, Báo cáo tổng kết Đề tài cấp Bộ, mã số B2008-37-60, 2010.
2. Cao Thị Thặng, Lương Việt Thái, *Vấn đề tích hợp trong việc phát triển chương trình giáo dục phổ thông các môn học ở trường phổ thông Việt Nam*, Bài tham luận trong Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2011.
3. Report, *Co-ordinating meeting for Unesco's programme in integrated science teaching*, Paris, 31 January 1972.
4. L. D'Hainaut, *Interdisciplinarity in General Education*, Unesco, May 1986.

5. Mark L. Merickel (Oregon State University), *Integration of the Disciplines - Ten Methodologies for Integration*, 2003.

6. Phạm Đức Quang – Nguyễn Thế Sơn, *Dạy học toán ở trường phổ thông theo hướng gắn với thực tiễn, tăng cường thực hành, ứng dụng, liên môn*, Tạp chí Giáo dục và Xã hội, số 74, tháng 4/2012.

7. Robin Fogarty, *The mindful school: How to Integrate the Curricula*, 1991.

8. Susan M. Drake & Joanne Reid (Brock University), *Integrated Curriculum Increasing relevance while maintaining accountability*, 9/2010.

9. Susan M. Drake, *Creating Standards – Based Integrated Curriculum*, 2007.

10. Xavier Rogiers, *Khoa sư phạm tích hợp, hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường*, Đào Trọng Quang dịch, NXB Hà Nội, 1996.

SUMMARY

The article touches upon the integration of the Mathematics teaching program in schools. In this article, the writer has presented several key forms of integrating Mathematics teaching program; key characteristics of integrating Mathematics teaching program in our country.